TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/DS-PT
Ngày: 23-01-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa
Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín
Ông Nguyễn Lê Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 23 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng - Cơ sở 1 (Số 349 Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 513/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lại Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 511, đường 8/4, thôn Lâm Giáo, xã H, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Khê Phương L, sinh năm 1981 và bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn Lâm Thiện, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn Lâm Giáo, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Sơn, bà Thảo: Bà Lại Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 511, đường 8/4, thôn Lâm Giáo, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

(Theo Hợp đồng uỷ quyền công chứng số 2180/2025/CCGD ngày 01/8/2025)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Khê Phương L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện không ghi ngày tháng năm cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lại Thị M trình bày: Vào ngày 29/07/2024, bà có cho ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, tính từ ngày 29/07/2024 đến ngày 29/12/2024, lãi suất thoả thuận là 1%/tháng. Nhưng từ lúc vay đến tháng 03/2025 vợ chồng ông L và bà Y chưa trả cho bà bất cứ đồng lãi nào. Vậy tiền lãi tạm tính từ ngày 29/07/2024 đến 29/03/2025 là 9 tháng là 4.500.000 đồng/tháng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Đến ngày 26/04/2025 vợ chồng ông L và bà Y trả cho bà 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền gốc. Vợ chồng ông L và bà Y còn nợ bà 40.000.000 đồng. Nay bà M yêu cầu ông L trả tiền gốc 40.000.000đ và lãi được tính như sau: lãi 1%/ tháng trên số tiền gốc 50.000.000 đồng từ ngày 29/7/2024 đến ngày 26/4/2025 là 4.450.000 đồng (50.000.000đ x 1% x 8 tháng 27 ngày) và tiền lãi 1% trên số tiền gốc 40.000.000đ từ ngày 27/4/2025 đến ngày 20/9/2025 là 1.920.000đ (40.000.000đ x 4 tháng 24 ngày). Tổng cộng gốc và lãi là **46.370.000 đồng**.

Bị đơn ông Khê Phương L trình bày: Ngày 28/02/2024 ông có mượn tiền của bà Lại Thị M có viết giấy tay số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng và vay lại như thường lệ. Nhưng do trục trặc hồ sơ vay nên không vay lại được nên giữa ông và bà M có thỏa thuận miệng là ông trả lãi hàng tháng 3.000.000 đồng cho đến khi ông trả hết số tiền vay gốc cho bà M. Ông bắt đầu trả lãi từ ngày 30/3/2024 đều đặn hàng tháng, cho đến ngày 29/7/2024 thì bà M yêu cầu ông đến nhà bà để làm lại hợp đồng vay tiền mới thay thế cho giấy mượn tiền cũ. Sau khoảng 10 tháng trả lãi từ ngày 30/3/2024 đến ngày 24/01/2025 thì tổng số tiền lãi ông đã trả cho bà M là 30.000.000 đồng. Đến ngày 26/4/2025, theo thỏa thuận ông sẽ trả 10.000.000 đồng tiền gốc hàng tháng cộng với lãi suất theo số tiền dư nợ giảm dần. Sau khi trả nợ gốc 01 tháng đến ngày 31/5/2025 ông hẹn lại với bà M cuối tháng 6 sẽ trả hai tháng tiền gốc cho tháng 5 và tháng 6 nhưng bà M không đồng ý và nhất quyết kiện ông. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Khê Phương L và Trần Thị Hải Y phải trả cho bà Lại Thị M số tiền gốc là 46.370.000 đồng (bốn mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi

nghìn đồng) thì ông không đồng ý vì ông đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng từ ngày 30/3/2024 đến ngày 24/01/2025 cho bà M rồi. Ông yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng tính đến ngày 28/8/2025 là 18 tháng vậy tiền lãi là 14.940.000 đồng khấu trừ đi số lãi 30.000.000 đồng ông đã trả cho bà M, vì vậy ông chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền còn nợ lại là 24.940.000 đồng. Tại phiên tòa, ông L yêu cầu tính lại tiền lãi cho ông đã trả cho bà M vào các ngày 05/8/2024 và ngày 24/01/2025, ông đồng ý tính lãi suất 1%/tháng như bà M yêu cầu.

Bị đơn bà Trần Thị Hải Y trình bày: Bà là vợ của ông Khê Phương L. Bà thống nhất với lời trình bày của ông L, bà không trình bày bổ sung gì thêm. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Khê Phương L và Trần Thị Hải Y phải trả cho bà Lại Thị M số tiền gốc là 46.370.000 đồng (bốn mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền còn nợ lại là 24.940.000đồng. Đối với ý kiến của ông L tại phiên tòa thì bà đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị Thanh T do bà Lại Thị M đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Thống nhất với yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Khê Phương L và Trần Thị Hải Y phải trả cho bà Lại Thị M số tiền gốc và lãi là **46.370.000 đồng.**

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2026/QĐ-SCBSBA ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng, đã quyết định:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị M, buộc vợ chồng ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y phải trả cho bà Lại Thị M số tiền **46.370.000 đồng** (Bốn mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000đ và tiền lãi 6.370.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với

quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí, lệ phí: Áp dụng: Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

- Bà Lại Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Vợ chồng ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.318.500đ (hai triệu ba trăm mười tám ngàn năm trăm đồng).

- Ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 02 tháng 10 năm 2025, bị đơn ông Khê Phương L kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm do đánh giá chứng cứ cho phù hợp gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Khê Phương L yêu cầu xem xét lại khoản tiền lãi ông đã trả cho bà M từ ngày 05/8/2024 đến 24/01/2025 với số tiền 18.000.000 đồng (trong đó, 02 lần chuyển khoản vào ngày 05/8/2024 và ngày 24/01/2025 với số tiền 15.000.000 đồng và 01 lần trả tiền mặt số tiền 3.000.000 đồng, ngày cụ thể không nhớ rõ nhưng vào khoảng tháng 9/2024) để trừ vào số tiền gốc mà ông phải trả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào nội dung tin nhắn ngày 25/12/2024 giữa bà Lại Thị M và ông Khê Phương L, các bản sao kê chuyển khoản giữa ông L và bà M thì trong thời gian từ ngày 05/8/2024 đến ngày 24/01/2025 (sau thời điểm vay tiền ngày 29/7/2024) ông L có chuyển trả cho bà M số tiền 18.000.000 đồng tiền lãi, do số tiền này lãi này vượt quá theo quy định nên cần trừ vào số tiền gốc để buộc ông L phải trả cho bà M. Cấp sơ thẩm cho rằng số tiền lãi này để trả cho khoản vay ngày 29/02/2024 là đánh giá chứng cứ chưa phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng đã phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Khê Phương L làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn 3, xã H1, huyện H2, tỉnh B (nay là thôn Lâm Thiện, xã H, tỉnh L). Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H2 (nay là Toà án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Khê Phương L đề nghị sửa bản án sơ thẩm và yêu cầu xem xét lại khoản tiền lãi ông đã trả cho bà M từ ngày 05/8/2024 đến 24/01/2025 với số tiền 18.000.000 đồng để trừ vào số tiền gốc mà ông phải trả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về tiền gốc:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng vay tiền đề ngày 29/7/2024, có nội dung: bà Lại Thị M và ông Nguyễn Ngọc N có cho bị đơn là ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y vay số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*, lãi suất không ghi, nhưng tại phiên tòa các bên thống nhất lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Như vậy, có căn cứ xác định giữa các bên đã có thỏa thuận thực hiện hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng vay có thỏa thuận về thời gian vay, không có tài sản bảo đảm, có thỏa thuận lãi suất và mục đích vay, được quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tại thời điểm giao kết, các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng dựa trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn*

bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền giữa bà Lại Thị M và ông Nguyễn Ngọc N với ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y là có thật.

Ông Khê Phương L cho rằng hợp đồng vay đề ngày 29/7/2024 thực ra là viết lại giấy vay tiền ngày 29/02/2024; số tiền này ông đã trả cho bà M tổng cộng là 30.000.000 đồng. Bà Lại Thị M không thừa nhận hợp đồng ngày 29/7/2024 là viết lại của hợp đồng ngày 29/02/2024 mà cho rằng hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2024 là hợp đồng đang giải quyết, còn hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2024 đã trả xong rồi. Do ông Khê Phương L không chứng minh được hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2024 thay thế cho hợp đồng ngày 29/02/2024; hơn nữa hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2024 hình thức vay là nhận tiền mặt ông L có ghi xác nhận dưới chữ ký là *"vợ chồng tôi đã nhận đủ số tiền mặt 50.000.000đ-năm mươi triệu đồng"*, còn hợp đồng vay ngày 29/02/2024 hình thức là chuyển khoản; nên buộc ông Khê Phương L phải chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho bà M theo Hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2024.

Đến ngày 26/4/2025, bị đơn trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 40.000.000 đồng chưa trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay 40.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ vào giấy vay tiền và lời khai của nguyên đơn, bị đơn xác định đây là hợp đồng vay kỳ hạn và có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Đối với mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu 1%/tháng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và bị đơn cũng chấp nhận trả tiền lãi là 1%/tháng nên được chấp nhận. Tiền lãi trên nợ vay được xác định như sau:

+ Tính từ ngày 29/7/2024 đến ngày 26/4/2025 đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng là 08 tháng 27 ngày, số tiền lãi là: 50.000.000 đồng x 1% x (08 tháng 27 ngày) = 4.450.000 đồng; nhưng cấp sơ thẩm tính là 09 tháng để xác định số tiền lãi phải trả là 4.500.000 đồng là chưa chính xác.

+ Tính từ ngày 27/4/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2025 đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng là 4 tháng 24 ngày, số tiền lãi là: 40.000.000 đồng x 1% x (4 tháng 24 ngày) = 1.920.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm tính là 04 tháng 26 ngày để xác định số tiền lãi phải trả là 1.946.000 đồng là chưa chính xác.

Tổng số tiền lãi là 6.370.000 đồng. Bà M yêu cầu tính lãi số tiền là 6.370.000 đồng, bị đơn cũng đồng ý với số tiền lãi này nên có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Tại Hợp đồng vay tiền ngày 29/7/2024 không có chữ ký của bà Trần Thị Hải Y, nhưng tại phiên tòa bà đồng ý cùng ông L trả nợ, mục đích vay cũng là để phục vụ kinh tế gia đình. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định thì: Vợ, chồng phải có nghĩa vụ liên đới trong trường hợp vợ hoặc chồng thực thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Đối với việc ông Khê Phương L yêu cầu tính lại tiền lãi 18.000.000 đồng đã trả cho bà M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa, bà M thừa nhận có nhận tiền lãi ông Khuê Phương L trả như sau: Ngày 30/3/2024 trả 3.000.000 đồng; ngày 03/7/2024 trả 9.000.000 đồng; ngày 05/8/2024 trả 3.000.000 đồng; ngày 24/01/2025 trả 12.000.000 đồng và 01 tháng đưa tiền mặt 3.000.000 đồng. Tổng cộng 30.000.000 đồng. Bà M cũng thừa nhận hai bên thỏa thuận tiền vay 100.000.000 đồng thì mỗi ngày trả 200.000 đồng tiền lãi, tương đương 01 tháng là 6.000.000 đồng. Do đó ông L chuyển trả mỗi tháng 3.000.000 đồng tiền lãi đối với số tiền vay 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà M cho rằng ông L trả số tiền lãi này là của hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2024 và đối với khoản vay này ông L đã thanh toán xong sau ngày 24/01/2025 (ngày cụ thể thì bà M không nhớ, ông L trả tiền trực tiếp cho con bà).

Ông Khê Phương L cho rằng khoản vay ngày 29/02/2024 đã được trả vào ngày 29/7/2024, sau đó thì ông đề xuất xin vay lại số tiền 50.000.000 đồng vào cùng ngày và hai bên thỏa thuận lãi suất: cứ vay 100.000.000 đồng thì mỗi ngày trả 200.000 đồng tiền lãi, tức 3.000.000 đồng/tháng đối với khoản vay này. Do đó, ngày 05/8/2024 ông chuyển khoản trả lãi 3.000.000 đồng cho khoản vay 50.000.000 đồng cho bà M; ngày 24/01/2025 ông chuyển khoản 12.000.000 đồng trả tiền lãi của tháng 9, 10, 11 và 12; trong tháng 9/2024 ông trả bằng tiền mặt số tiền 3.000.000 đồng. Như vậy, tính từ sau thời điểm vay tiền ngày 29/7/2024, ông L đã trả cho bà M tổng số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Đồng thời, bà M cũng thừa nhận sau ngày 29/7/2024 ông L có chuyển khoản cho bà 02 lần tiền vào ngày 05/8/2024 và ngày 24/01/2025 để trả lãi với tổng số tiền là 15.000.000 đồng; riêng số tiền mặt 3.000.000 đồng thì bà cho rằng ông L trả trước thời điểm ngày 29/7/2024 để trả cho khoản vay ngày 29/02/2024.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định từ sau ngày 29/7/2024 ông L đã chuyển

khoản trả cho bà M tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng (chứng từ chuyển khoản ngày 05/8/2024 và ngày 24/01/2025), phù hợp với nội dung tin nhắn giữa bà M và ông L vào ngày 25/12/2024. Theo đó, bà M nhắn *"Từ 7 biết bao nhiêu lãi rồi không"*, nên đến ngày 24/01/2025 ông L chuyển trả số tiền lãi 12.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản là trả lãi tháng 9, 10, 11 và 12 (vay vào ngày 29/7/2024 và ngày 05/8/2024 đã chuyển lãi khoản vay 50.000.000 đồng với số tiền 3.000.000 đồng). Riêng số tiền lãi trả bằng tiền mặt 3.000.000 đồng, ông L cho rằng trả vào tháng 9/2024 còn bà M cho rằng số tiền này trả cho khoản vay ngày 29/02/2024. Ông L không có căn cứ chứng minh trả vào tháng 9/2024, hơn nữa ngày 05/8/2024 chuyển trả lãi của tháng 8, đến ngày 24/01/2025 chuyển trả 12.000.000 đồng tiền lãi của tháng 9, 10, 10 và 12 là phù hợp nên yêu cầu tính khoản lãi 3.000.000 đồng trả bằng tiền mặt của ông Khê Phương L không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, có đủ căn cứ xác định sau khi vay tiền vào ngày 29/7/2024, ông L đã chuyển trả cho bà M tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận lãi như trên là vượt quá quy định của pháp luật nên cần phải tính lại theo đúng quy định. Tại phiên tòa, hai bên thống nhất lãi suất là 1%/tháng và tổng số tiền lãi phải trả đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2025) là 6.370.000 đồng, vì vậy số tiền lãi đã trả vượt quá được trừ vào tiền gốc theo quy định là 15.000.000 đồng – 6.370.000 đồng = 8.630.000 đồng; tổng số tiền gốc ông L còn phải trả cho bà M là 40.000.000 đồng – 8.630.000 đồng = 31.370.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, xác định số tiền lãi đã trả 15.000.000 đồng là trả cho khoản vay ngày 29/02/2024 là đánh giá chứng cứ chưa phù hợp. Do đó, kháng cáo của ông Khê Phương L là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị M về việc buộc ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y trả số tiền 31.370.000 đồng như phân tích lại mục [3] và như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Khê Phương L được

chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Khê Phương L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng.

2. Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 227, Điều 229, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự;

- Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 2 Điều 5, điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008

3. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị M.

Buộc ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y phải liên đới trả cho bà Lại Thị M số tiền gốc là 31.370.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)*

Kể từ ngày 21/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. ***Về án phí:***

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Khê Phương L và bà Trần Thị Hải Y phải chịu 1.568.500 đồng *(Một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lại Thị M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, nhưng do bà M là người cao tuổi nên theo quy định của pháp luật được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Khê Phương L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004641 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng cho ông Khê Phương L.

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2026).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 12;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Hòa